QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG X PHÚC SƠN HUYỆN SƠN ĐỘNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

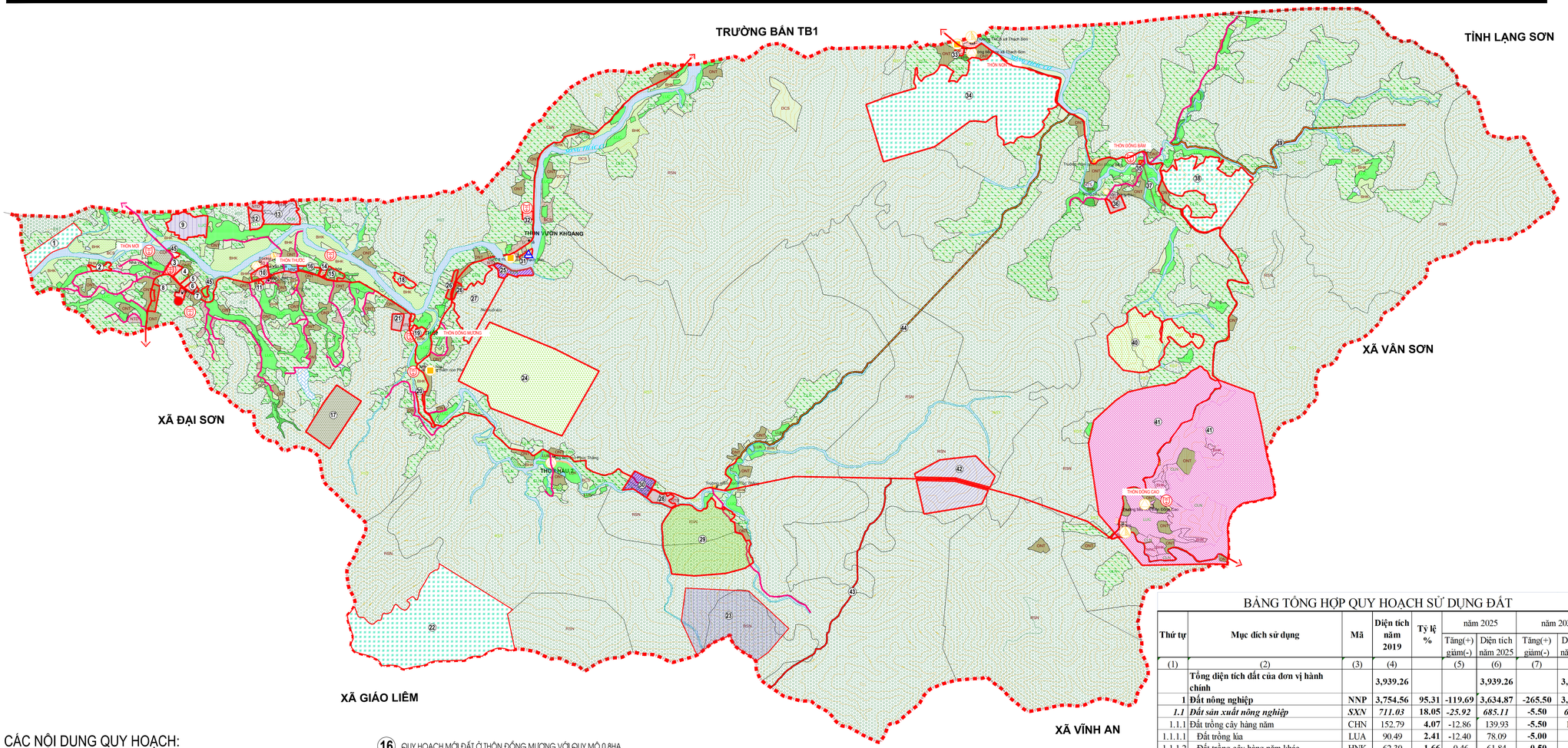

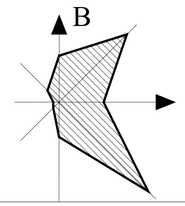

+ ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
+ ĐẤT CÔNG CỘNG
+ ĐẤT DÂN CƯ
+ ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
+ MẶT NƯỚC, THỦY SẢN
+ ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO
+ ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
+ ĐẤT TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP VÀ LÀNG NGHỀ
+ ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH
+ ĐẤT TRỒNG LÚA
+ ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
+ ĐẤT CÂY ĂN QUẢ
+ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
+ ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
+ ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
+ ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
+ ĐẤT NGHĨA TRANG
+ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
+ ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
+ ĐƯỜNG TỈNH LỘ 291
+ ĐƯỜNG LIÊN X ĐƯỜNG ĐẤT
+ ĐƯỜNG LIÊN X ĐƯỜNG BT
+ ĐƯỜNG LIÊN THÔN ĐƯỜNG ĐẤT
+ ĐƯỜNG LIÊN THÔN ĐƯỜNG BT
+ ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG
+ ĐƯỜNG ĐIỆN
+ RANH GIỚI

HIỆN TRẠNG

+ UBND X PHÚC SƠN
+ TRẠM Y TẾ
+ BƯU ĐIỆN
+ DI TÍCH ĐÌNH, CHÙA
+ TÔN GIÁO
+ NHÀ VĂN HÓA
+ SÂN THỂ THAO
+ TRƯỜNG THCS
+ TRƯỜNG TIỂU HỌC
+ TRƯỜNG MẦN NON
+ TRẠM BIẾN ÁP
+ TRẠM BƠM
+ CHỢ DÂN SINH

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2019	Tỷ lệ %	năm 2025		năm 2030	
					Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2025	Tăng(+) giảm(-)	Diện tích năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)	(7)	(8)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính		**3,939.26**			**3,939.26**		**3,939.26**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**3,754.56**	**95.31**	**-119.69**	**3,634.87**	**-265.50**	**3,369.37**
1.1	***Đất sản xuất nông nghiệp***	***SXN***	***711.03***	**18.05**	***-25.92***	***685.11***	**-5.50**	***679.61***
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	152.79	**4.07**	-12.86	139.93	**-5.50**	134.43
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	90.49	**2.41**	-12.40	78.09	**-5.00**	73.09
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	62.30	**1.66**	-0.46	61.84	**-0.50**	61.34
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	558.24	**14.87**	-13.06	545.18		545.18
1.2	***Đất lâm nghiệp***	***LNP***	***3,041.17***	**77.20**	***-93.77***	***2,947.40***	**-260.00**	**2,687.40**
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	3,041.17	**77.20**	-93.77	2,947.40	***-260.00***	**2,687.40**
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH						
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD						
1.3	***Đất nuôi trồng thuỷ sản***	***NTS***	***2.36***	**0.06**		***2.36***		**2.36**
1.4	***Đất làm muối***	***LMU***						
1.5	***Đất nông nghiệp khác***	***NKH***						
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**166.46**	**4.23**	**17.73**	**190.72**		**190.72**
2.1	***Đất ở***	***OCT***	***32.96***	**0.84**	***3.50***	***36.46***		**36.46**
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	32.96	**0.84**	3.50	36.46		**36.46**
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT						
2.2	***Đất chuyên dùng***	***CDG***	***62.87***	**1.60**	***10.73***	***80.13***		**80.13**
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	1.02	**0.03**	-0.37	0.65		**0.65**
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	1.50	**0.04**	10.00	11.50		**11.50**
2.2.3	Đất an ninh	CAN			0.15	0.15		**0.15**
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	4.28	**0.11**	0.95	5.23		**5.23**
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK						
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	56.08	**1.42**	6.53	62.61		62.61
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON						
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0.08	**0.00**		0.08		**0.08**
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NH	NTD	3.96	**0.10**	3.50	7.46		**7.46**
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	65.35	**1.66**		65.35		**65.35**
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	1.25	**0.03**		1.25		**1.25**
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK						
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**18.23**	**0.46**	**-0.56**	**17.67**		**17.67**
3.1	***Đất bằng chưa sử dụng***	***BCS***	***10.11***	**0.26**	***-0.56***	***9.55***		**9.55**
3.2	***Đất đồi núi chưa sử dụng***	***DCS***	***8.13***	**0.21**		***8.13***		**8.13**
3.3	***Núi đá không có rừng cây***	***NCS***						

CÁC NỘI DUNG QUY HOẠCH:

1. QUY HOẠCH MỚI KHU CÂY TRỒNG DƯỢC LIỆU THÔN MỚI VỚI QUY MÔ 4,9HA
2. QUY HOẠCH KHU TRỒNG CÂY LÂU NĂM QUY MÔ 0,6HA
3. ĐẤT VĂN HÓA THÔN MỚI QUY MÔ 0,3HA
4. QUY HOẠCH ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO THÔN MỚI QUY MÔ 1,2HA
5. QUY HOẠCH ĐẤT CÂY XANH CẢNH QUAN TRUNG TÂM XÃ QUY MÔ 1HA
6. QUY HOẠCH KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ 0,17HA
7. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT CÔNG AN TẠI THÔN MỚI VỚI QUY MÔ 0,2HA
8. QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ THÔN MỚI QUY MÔ 0,9HA
9. QUY HOẠCH ĐẤT CHĂN NUÔI TẬP TRUNG QUY MÔ 5HA
10. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT MẦM NON THÔN THƯỚC VỚI QUY MÔ 1HA
11. QUY HOẠCH MỞ RỘNG TRẠM Y TẾ XÃ QUY MÔ 0,1HA
12. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT NGHĨA ĐỊA THÔN THƯỚC VỚI QUY MÔ 1,5HA
13. QUY HOẠCH MỎ ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU QUY MÔ 4,7HA
14. QUY HOẠCH MỚI NHÀ VĂN HÓA THÔN THƯỚC QUY MÔ 0,2HA
15. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT Ở THÔN ĐỒNG MƯƠNG VỚI QUY MÔ 1HA
16. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT Ở THÔN ĐỒNG MƯƠNG VỚI QUY MÔ 0,8HA
16. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT Ở THÔN ĐỒNG MƯƠNG VỚI QUY MÔ 0,8HA
17. QUY HOẠCH ĐẤT QUỐC PHÒNG QUY MÔ 10HA
18. QUY HOẠCH MỞ RỘNG ĐẤT CÂY LÂU NĂM ĐỒNG MƯƠNG VỚI QUY MÔ 1HA
19. QUY HOẠCH ĐẤT NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ DỤC THỂ THAO THÔN ĐỒNG MƯƠNG QUY MÔ 0,6HA
20. QUY HOẠCH MỚI KHU CÂY TRỒNG LÂU NĂM QUY MÔ 2,7HA
21. QUY HOẠCH MỞ RỘNG NGHĨA TRANG 1HA
22. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU QUY MÔ 60HA
23. QUY HOẠCH ĐẤT CHĂN NUÔI QUY MÔ 30,5HA
24. QUY HOẠCH ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC QUY MÔ 52,8HA
25. QUY HOẠCH XƯỞNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN VỚI QUY MÔ 0,5HA
26. QUY HOẠCH ĐẤT Ở DÂN CƯ QUY MÔ 0,11HA
27. QUY HOẠCH MỎ ĐẤT QUY MÔ 10,5HA
28. QUY HOẠCH MỞ RỘNG NGHĨA TRANG 1,6HA
29. QUY HOẠCH ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM KHÁC QUY MÔ 30,5HA
30. QUY HOẠCH XƯỞNG SẢN XUẤT CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUY MÔ 2,6HA
31. QUY HOẠCH MỚI TRẠM CẤP NƯỚC XÃ TẠI THÔN ĐỒNG MƯƠNG VỚI QUY MÔ 0,5HA
32. QUY HOẠCH MỚI NHÀ VĂN HÓA THÔN NON TÁ VỚI QUY MÔ 0,5HA
33. QUY HOẠCH ĐẤT CƠ QUAN THÀNH ĐẤT GIÁO DỤC THÔN NON TÁ VỚI QUY MÔ 0,37HA
34. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU QUY MÔ 69,6HA
35. QUY HOẠCH MỞ RỘNG NHÀ VĂN HÓA THÔN ĐỒNG BẦM QUY MÔ 0,1HA
36. QUY HOẠCH MỞ RỘNG NGHĨA ĐỊA THÔN ĐỒNG BẦM VỚI QUY MÔ 1HA
37. QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI THÔN ĐỒNG BẦM DÀI 350M
38. QUY HOẠCH MỚI ĐẤT TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU THÔN NON TÁ VỚI QUY MÔ 21,3HA
39. QUY HOẠCH MỚI ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỒNG BẦM ĐI RỪNG CHÈ
40. QUY HOẠCH ĐẤT HÀNG NĂM KHÁC QUY MÔ 19,6HA
41. QUY HOẠCH ĐẤT DU LỊCH ĐỒNG CAO DIỆN TÍCH 5HA
42. QUY HOẠCH ĐẤT SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG 18,5HA
43. QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỒNG MƯƠNG - GIÁO LIÊM 2KM
44. QUY HOẠCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỒNG MƯƠNG ĐI ĐỒNG BẦM 4KM
45. QUY HOẠCH ĐIỂM TẬP KẾT RÁC CỦA XÃ

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:179/QĐ-UBND NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN SƠN ĐỘNG

KÈM THEO BÁO CÁO SỐ: 55/BC-KTHT NGÀY 30 THÁNG 12 NĂM 2021

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC SƠN

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 217/TTr-UBND NGÀY 20 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ PHÚC SƠN HUYỆN SƠN ĐỘNG TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021 ĐẾN 2030.

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	GHÉP: A0	TỶ LỆ: 1/10.000	NĂM 2021
THIẾT KẾ:	**KTS. CÙ VĂN DOANH**		
CHỦ TRÌ:	**KTS. ĐOÀN DUY HÙNG**		
CHỦ NHIỆM:	**KTS. ĐOÀN DUY HÙNG**		
P.TRƯỞNG PHÒNG:	**KTS. TRẦN VĂN HÙNG**		
Q.L KỸ THUẬT:	**KTS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG**		

P.GIÁM ĐỐC:

KTS. HOÀNG OANH TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH XÂY DỰNG
ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG - TP BẮC GIANG - TỈNH BẮC GIANG
ĐT: 0240.3501122 - FAX: 0240.3528989